

THÔNG BÁO

V/v: Thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa

Căn cứ:

- Biên bản họp của Hội Đồng Quản Lý Rủi Ro vào ngày 09/04/2026

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng xin trân trọng thông báo đến Quý khách hàng về việc thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa hiện tại như sau:

1. Thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa:

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSĐB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
1	AAA	CTCP Nhựa An Phát Xanh	10,640	9,220	HOSE
2	ABT	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	95,550	79,000	HOSE
3	ACC	CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	18,070	16,300	HOSE
4	ACG	CTCP Gỗ An Cường	47,120	44,200	HOSE
5	ACL	CTCP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang	18,130	16,050	HOSE
6	ADG	CTCP Clever Group	13,190	11,700	HOSE
7	ADP	CTCP Sơn Á Đông	35,880	29,600	HOSE
8	ANV	CTCP Nam Việt	40,600	32,050	HOSE
9	ASM	CTCP Tập đoàn Sao Mai	10,490	7,510	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
10	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	18,000	14,700	HNX
11	BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	48,100	46,100	HOSE
12	BAX	CTCP Thống Nhất	46,800	42,300	HNX
13	BCE	CTCP Xây dựng và giao thông Bình Dương	15,340	14,300	HOSE
14	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	88,500	71,500	HOSE
15	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền	82,200	73,100	HOSE
16	BHN	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước Giải khát Hà Nội	45,500	38,850	HOSE
17	BIC	Tổng CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	61,880	31,250	HOSE
18	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	68,900	53,900	HOSE
19	BKG	CTCP Đầu tư BKG Việt Nam	3,800	3,380	HOSE
20	BMC	CTCP Khoáng sản Bình Định	23,720	17,750	HOSE
21	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	219,700	173,200	HOSE
22	BRC	CTCP Cao su Bến Thành	17,220	15,600	HOSE
23	BSI	CTCP Chứng khoán BIDV	64,220	49,400	HOSE
24	BTP	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	14,880	10,950	HOSE
25	BVS	CTCP chứng khoán Bảo Việt	49,900	36,900	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
26	BWE	Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	64,670	56,000	HOSE
27	CCI	Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi	31,520	26,700	HOSE
28	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô thị Dầu Khí Cửu Long	9,490	6,630	HOSE
29	CDC	CTCP Chương Dương	31,450	29,650	HOSE
30	CHP	CTCP Thủy điện Miền Trung	43,940	37,000	HOSE
31	CKG	CTCP Tập đoàn CIC	18,060	11,400	HOSE
32	CLL	CTCP Cảng Cát Lái	43,350	38,850	HOSE
33	CMG	CTCP tập đoàn công nghệ CMC	58,300	38,100	HOSE
34	CMS	CTCP Tập đoàn CMH Việt Nam	11,800	9,000	HNX
35	CNG	CTCP CNG Việt Nam	36,720	32,500	HOSE
36	CRC	CTCP Create Capital Việt Nam	14,640	12,150	HOSE
37	CRE	CTCP Bất động sản Thế Kỷ	14,690	10,450	HOSE
38	CSC	CTCP Tập đoàn COTANA	27,900	19,900	HNX
39	CSM	Công ty CP Công nghiệp cao su Miền Nam	19,400	16,050	HOSE
40	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	43,700	35,550	HOSE
41	CTB	CTCP Chế tạo Bơm Hải Dương	36,200	21,100	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
42	CTD	CTCP Xây dựng Coteccons	129,740	107,300	HOSE
43	CTG	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	61,750	46,150	HOSE
44	CTI	CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	31,100	29,950	HOSE
45	CTR	Tổng CTCP Công trình Viettel	120,510	113,500	HOSE
46	CTS	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	53,040	37,750	HOSE
47	D2D	Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	49,790	47,450	HOSE
48	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam	39,320	30,400	HOSE
49	DC4	CTCP DICERA Holdings	16,320	11,900	HOSE
50	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	63,700	58,800	HOSE
51	DHA	CTCP Hóa An	89,960	59,400	HOSE
52	DHC	CTCP Đông hải Bến tre	47,060	45,950	HOSE
53	DHG	CTCP dược Hậu Giang	133,640	131,000	HOSE
54	DHT	CTCP Dược phẩm Hà Tây	107,200	88,700	HNX
55	DIG	Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng	24,900	18,800	HOSE
56	DIH	CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An	19,800	12,200	HNX
57	DL1	CTCP Tập đoàn Alpha Seven	6,600	5,700	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
58	DMC	Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	80,600	78,700	HOSE
59	DP3	CTCP Dược phẩm Trung ương 3	82,400	71,400	HNX
60	DPG	CTCP Tập đoàn Đạt Phương	60,900	55,600	HOSE
61	DRC	CTCP Cao su Đà Nẵng	22,230	17,400	HOSE
62	DRL	CTCP Thủy điện - Điện lực 3	72,930	59,400	HOSE
63	DSC	CTCP Chứng khoán DSC	30,740	17,700	HOSE
64	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	39,060	31,550	HOSE
65	DSN	CTCP Công viên nước Đầm Sen	59,150	50,700	HOSE
66	DST	CTCP Đầu tư Sao Thăng Long	13,700	10,500	HNX
67	DTA	CTCP Đệ Tam	6,500	4,820	HOSE
68	DTD	CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt	28,800	23,000	HNX
69	DXG	CTCP Tập đoàn Đất Xanh	20,450	19,300	HOSE
70	EID	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	32,800	29,600	HNX
71	ELC	CTCP Công nghệ - Viễn thông Elcom	28,600	23,800	HOSE
72	EVG	CTCP Tập đoàn Everland	14,360	8,590	HOSE
73	EVS	CTCP Chứng khoán EVS	11,700	6,800	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
74	FCN	CTCP FECON	22,800	17,300	HOSE
75	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T	6,780	5,710	HOSE
76	FMC	CTCP Thực phẩm Sao Ta	54,600	49,850	HOSE
77	FPT	CTCP FPT	138,060	102,800	HOSE
78	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	54,340	38,150	HOSE
79	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	139,100	103,900	HOSE
80	GDW	CTCP Cấp nước Gia Định	51,900	48,600	HNX
81	GIC	CTCP VSC Green Logistics	19,500	13,400	HNX
82	GTA	CTCP Chế biến gỗ Thuận An	12,740	11,200	HOSE
83	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP	45,700	43,150	HOSE
84	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	76,310	73,300	HOSE
85	HAR	CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	7,890	4,500	HOSE
86	HAX	CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	19,110	13,650	HOSE
87	HCC	CTCP Bê tông Hòa Cầm - INTIMEX	40,900	31,900	HNX
88	HDC	CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	29,600	24,550	HOSE
89	HDG	CTCP Tập đoàn Hà Đô	40,040	37,400	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
90	HGM	CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	377,000	244,700	HNX
91	HHS	CTCP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	21,000	17,950	HOSE
92	HHV	CTCP Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả	19,040	15,950	HOSE
93	HJS	CTCP Thủy điện Nậm Mu	37,300	36,300	HNX
94	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	19,760	16,800	HNX
95	HLD	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	30,420	22,200	HNX
96	HMR	CTCP Đá Hoàng Mai	14,600	12,900	HNX
97	HNA	CTCP Thủy điện Hủa Na	32,500	29,900	HOSE
98	HPX	CTCP Đầu tư Hải Phát	7,640	6,410	HOSE
99	HRC	CTCP Cao su Hòa Bình	66,660	56,900	HOSE
100	HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	25,480	19,650	HOSE
101	HSL	CTCP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	10,000	6,580	HOSE
102	HT1	CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên	24,180	19,650	HOSE
103	HTG	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	61,100	55,000	HOSE
104	HTI	CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	34,550	32,250	HOSE
105	HTL	CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	35,230	28,850	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
106	HTV	CTCP Logistics Vicem	16,180	14,550	HOSE
107	HUB	CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế	22,620	17,350	HOSE
108	HUT	CTCP TASCO	26,300	21,800	HNX
109	HVT	CTCP Hóa chất Việt Trì	44,400	35,600	HNX
110	ICT	CTCP Viễn thông – Tin học Bưu điện	26,780	23,250	HOSE
111	IDI	CTCP Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	10,600	8,840	HOSE
112	IDV	CTCP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc	33,800	30,400	HNX
113	ILB	CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình	36,400	27,750	HOSE
114	INN	CTCP Bao bì và In Nông nghiệp	76,000	51,100	HNX
115	IPA	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	33,200	21,700	HNX
116	ITC	CTCP Đầu tư - Kinh doanh nhà	20,000	15,150	HOSE
117	IVS	CTCP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)	14,600	9,200	HNX
118	KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	71,110	63,400	HOSE
119	KDH	Công ty CP đầu tư và kinh doanh nhà Khang Điền	47,060	34,000	HOSE
120	KHG	CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land	8,000	7,140	HOSE
121	KHS	CTCP Kiên Hùng	24,300	20,500	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
122	KSB	CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	28,470	20,950	HOSE
123	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP	234,000	205,100	HNX
124	KTS	CTCP Đường Kon Tum	58,200	30,900	HNX
125	L14	CTCP Licogi 14	56,600	31,200	HNX
126	L18	CTCP Đầu tư và xây dựng số 18	40,000	30,400	HNX
127	LAF	CTCP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An	26,710	21,950	HOSE
128	LAS	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	26,400	21,700	HNX
129	LCG	CTCP LIZEN	13,590	12,950	HOSE
130	LHG	CTCP Long Hậu	42,700	36,900	HOSE
131	LIG	CTCP LICOGI 13	6,240	5,100	HNX
132	LIX	CTCP Bột giặt LIX	52,650	43,400	HOSE
133	LSS	CTCP Mía đường Lam Sơn	12,670	11,000	HOSE
134	MAC	CTCP Tập đoàn Macstar	24,100	17,000	HNX
135	MCM	CTCP Giống bò sữa Mộc Châu	36,200	33,600	HOSE
136	MCP	CTCP In và Bao bì Mỹ Châu	38,020	35,750	HOSE
137	MHC	CTCP MHC	20,540	12,450	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
138	MVB	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	23,900	21,800	HNX
139	MWG	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	109,460	106,500	HOSE
140	NBB	CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy	25,240	23,900	HOSE
141	NBC	CTCP Than Núi Béo - Vinacomin	14,500	13,000	HNX
142	NCT	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	132,600	118,800	HOSE
143	NDN	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	14,800	13,300	HNX
144	NET	CTCP Bột giặt NET	101,200	87,800	HNX
145	NHA	Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	30,200	17,350	HOSE
146	NHH	CTCP Nhựa Hà Nội	14,980	13,450	HOSE
147	NKG	CTCP Thép Nam Kim	23,530	18,400	HOSE
148	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	60,510	38,150	HOSE
149	NO1	CTCP Tập đoàn 911	9,720	7,280	HOSE
150	NSC	CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	105,300	100,100	HOSE
151	NTL	CTCP Phát triển Đô thị Từ Liêm	26,520	21,200	HOSE
152	NTP	CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	84,110	73,800	HNX
153	PAC	CTCP PinẮc quy miền Nam	40,300	32,100	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
154	PAN	CTCP Tập đoàn PAN	44,130	41,450	HOSE
155	PCE	CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	29,600	25,600	HNX
156	PDB	CTCP Tập đoàn Đầu tư Din Capital	38,400	29,600	HNX
157	PDN	CTCP Cảng Đồng Nai	149,600	141,300	HOSE
158	PDR	CTCP phát triển bất động sản Phát Đạt	22,000	21,600	HOSE
159	PGD	Công ty CP Phân phối khí Thấp áp dầu khí Việt Nam	35,490	31,050	HOSE
160	PGI	Tổng CTCP Bảo hiểm Petrolimex	26,780	25,600	HOSE
161	PHC	CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings	8,020	6,320	HOSE
162	PIC	CTCP Đầu tư Điện lực 3	23,900	22,100	HNX
163	PJT	CTCP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	12,180	10,850	HOSE
164	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	46,600	29,900	HNX
165	PLP	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	8,000	6,670	HOSE
166	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	76,800	52,700	HOSE
167	PMC	CTCP Dược phẩm dược liệu Pharmedic	221,800	181,900	HNX
168	PNJ	Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	154,000	139,100	HOSE
169	POW	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP	20,990	16,900	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
170	PPP	CTCP Dược phẩm Phong Phú	26,500	24,300	HNX
171	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	14,500	13,300	HNX
172	PRE	Tổng CTCP Tái bảo hiểm Hà Nội	30,160	29,000	HNX
173	PSW	CTCP Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	12,000	10,500	HNX
174	PTI	Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện	49,400	38,700	HNX
175	PVB	CTCP bọc ống dầu khí Việt Nam	44,300	37,600	HNX
176	PVC	Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	23,400	21,700	HNX
177	PVD	Tổng Công ty CP khoan và dịch vụ khoan dầu khí	58,500	42,850	HOSE
178	PVI	CTCP PVI	132,340	102,100	HNX
179	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	59,000	49,700	HNX
180	RAL	CTCP Bóng đèn Phích nước Rạng đông	122,330	113,400	HOSE
181	RCL	CTCP địa ốc Chợ lớn	17,600	14,600	HNX
182	RYG	CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	16,230	14,050	HOSE
183	S4A	Công ty cổ phần Thủy điện Sê San 4A	46,930	43,800	HOSE
184	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	62,010	59,000	HOSE
185	SBA	CTCP Sông Ba	38,610	37,050	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
186	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	17,700	14,950	HOSE
187	SCR	CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	11,100	8,060	HOSE
188	SCS	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	77,870	70,500	HOSE
189	SD5	CTCP Sông Đà 5	12,600	9,900	HNX
190	SED	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	31,700	23,800	HNX
191	SGC	CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang	121,940	109,900	HNX
192	SGN	CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn	86,840	67,700	HOSE
193	SGR	CTCP Tổng CTCP Địa Ốc Sài Gòn	24,500	20,500	HOSE
194	SGT	CTCP Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn	21,970	20,350	HOSE
195	SHN	CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	8,900	5,100	HNX
196	SHP	CTCP Thủy điện Miền Nam	46,410	44,800	HOSE
197	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	37,900	24,200	HNX
198	SIP	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG	85,000	79,700	HOSE
199	SJE	CTCP Sông Đà 11	28,900	21,100	HNX
200	SKG	CTCP Tàu cao tốc Superdong-Kiên Giang	13,450	12,050	HOSE
201	SLS	CTCP Mía đường Sơn La	239,000	208,700	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
202	SMB	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung	53,430	52,200	HOSE
203	STK	CTCP Sợi Thế Kỷ	31,000	17,800	HOSE
204	SVC	CTCP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	36,200	23,650	HOSE
205	SVT	CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	16,180	14,650	HOSE
206	SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức	45,400	37,250	HOSE
207	TA9	CTCP Xây lắp Thành An 96	17,400	15,000	HNX
208	TBC	CTCP Thủy điện Thác Bà	48,810	45,250	HOSE
209	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	26,910	22,450	HOSE
210	TCM	CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	38,800	29,700	HOSE
211	TCT	CTCP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	27,820	25,550	HOSE
212	TDC	Công ty CP kinh doanh và phát triển Bình Dương	16,570	14,250	HOSE
213	TDP	CTCP Thuận Đức	43,030	38,400	HOSE
214	TEG	CTCP Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	9,480	7,760	HOSE
215	TFC	CTCP Trang	86,375	67,500	HNX
216	THG	CTCP đầu tư và xây dựng Tiền Giang	68,000	57,700	HOSE
217	TIG	CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	11,200	9,100	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
218	TLG	CTCP tập đoàn Thiên Long	82,420	65,500	HOSE
219	TMB	CTCP Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin	80,300	75,000	HNX
220	TMP	CTCP Thủy điện Thác Mơ	80,990	72,000	HOSE
221	TMS	CTCP TRANSIMEX	54,600	52,700	HOSE
222	TNC	CTCP Cao su Thống nhất	42,120	35,750	HOSE
223	TOT	CTCP Transimex Logistics	21,800	20,700	HNX
224	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	22,490	21,450	HOSE
225	TRC	CTCP Cao su Tây Ninh	101,400	93,600	HOSE
226	TSB	CTCP Ác quy Tia Sáng	28,800	25,600	HNX
227	TVC	CTCP Tập đoàn quản lý tài sản Trí Việt	14,500	10,500	HNX
228	TVS	Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt	28,340	18,200	HOSE
229	TYA	CTCP Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	26,350	23,450	HOSE
230	UNI	CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	12,500	10,400	HNX
231	VC6	CTCP Xây dựng và Đầu tư Visicons	49,100	33,500	HNX
232	VC7	CTCP Tập đoàn BGI	13,740	10,800	HNX
233	VCB	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	89,830	78,300	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
234	VCG	Tổng CTCP Xuất nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam	30,600	28,950	HOSE
235	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap	55,960	37,700	HOSE
236	VCS	CTCP VICOSTONE	61,800	53,200	HNX
237	VDS	CTCP chứng khoán Rồng Việt	30,940	19,950	HOSE
238	VFG	CTCP Khử trùng Việt Nam	76,960	65,100	HOSE
239	VGC	Tổng Công ty Viglacera – CTCP	81,800	59,700	HOSE
240	VGP	CTCP Càng rau Quả	37,400	32,500	HNX
241	VGS	CTCP ống thép Việt Đức VG PIPE	41,800	31,600	HNX
242	VHE	CTCP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	5,000	4,400	HNX
243	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	28,470	22,550	HOSE
244	VID	Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	6,590	6,440	HOSE
245	VIP	CTCP Vận tải Xăng dầu Vipco	17,610	15,350	HOSE
246	VND	CTCP Chứng khoán VnDirect	34,840	22,300	HOSE
247	VNF	CTCP VINAFREIGHT	22,100	19,800	HNX
248	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	88,000	81,400	HOSE
249	VNS	CTCP Ánh Dương Việt Nam	12,280	10,550	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
250	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	31,780	30,750	HOSE
251	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	13,330	11,650	HOSE
252	VSA	CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam	29,200	25,500	HNX
253	VSC	CTCP Container Việt Nam	44,000	33,000	HOSE
254	VTP	Tổng CTCP Bưu chính Viettel	139,000	97,200	HOSE
255	WCS	CTCP bến xe Miền Tây	504,200	357,500	HNX
256	YEG	CTCP Tập đoàn Yeah1	18,100	13,150	HOSE

2. Thời gian áp dụng

- Từ ngày 10/04/2026: Áp dụng giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa mới.
Trân trọng.